

Số: 608 /TB-TMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

**Kính gửi/ To:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TMT

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại/ *Telephone*: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Bùi Quốc Công

Chức vụ/ *Position*: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Ngày 30/07/2022 Công ty cổ phần ô tô TMT công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2022, giải trình kết quả sản xuất kinh doanh quý II năm 2022.

Thông tin này đã được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 30/07/2022: <https://tmt-vietnam.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất Q2.2022

- Giải trình kết quả SXKD Q2.2022

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Bùi Quốc Công**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

Công ty Cổ phần ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) đã tiến hành công bố Báo cáo tài chính quý II năm 2022. Liên quan đến nội dung công bố, Công ty chúng tôi xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

**1. Tình hình hoạt động kinh doanh tại Công ty quý II năm 2022 :**

*Dvt: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Quý II Năm 2022	Quý II Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	770.198.125.690	640.745.262.574	129.452.863.116	26%
2	Giá vốn hàng bán	682.858.040.246	585.673.674.301	97.184.365.945	17%
3	Lợi nhuận gộp BH và CCDV	82.946.242.878	55.071.588.273	27.874.654.605	51%
4	Doanh thu tài chính	20.422.392.164	2.749.939.069	17.672.453.095	643%
5	Chi phí tài chính	22.174.156.540	7.346.222.835	14.827.933.705	202%
6	Chi phí bán hàng	19.044.607.011	18.961.746.795	82.860.216	0,4%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.991.928.090	16.090.792.301	(6.529.652.576)	-40%
8	Lợi nhuận khác	127.078.698	1.422.287.820	75.202.198	-91%
9	Lợi nhuận sau thuế	40.937.921.956	13.428.787.405	32.905.590.750	205%

Lợi nhuận sau thuế quý II/2022 đạt 40,9 tỷ đồng, tăng 32,9 tỷ đồng tương ứng 410% so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do:

- Doanh thu bán hàng quý II năm 2022 tăng 129,5 tỷ so với quý II năm 2021 tương ứng với 20% nguyên nhân chủ yếu là do áp dụng nhiều chính sách bán hàng ưu đãi, cạnh tranh trong thị trường.

- Doanh thu tài chính tăng 17,6 tỷ và chi phí tài chính tăng 14,8 tỷ so với cùng kỳ chênh lệch tỷ giá của các hợp đồng nhập khẩu.

- Chi phí bán hàng tăng 0,08 tỷ tương ứng tăng 0.4% do công ty tập trung tiến hành chính sách thúc đẩy bán hàng đối với những dòng xe và vùng trọng điểm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 6,5 tỷ đồng tương ứng với giảm 40% so với cùng kỳ năm trước do Công ty đã quản lý chi phí hiệu quả.

## **2. Kết quả kinh doanh hợp nhất quý II năm 2022 của toàn Công ty**

Doanh thu bán hàng hợp nhất quý II 2022 đạt 805,8 tỷ tăng 129,5 tỷ tương ứng với 26% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 40,9 tỷ đồng, tăng trưởng 205% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do hoạt động sản xuất kinh doanh từ công ty mẹ

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu có tác động lớn đến kết quả kinh doanh quý II năm 2022 của Công ty cổ phần ô tô TMT.

Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, P.TCKT.



**Bùi Văn Hữu**





**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất</b>	<b>4 -33</b>
Bảng cân đối kế toán	4 –7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8-9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-34

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

# **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Phó Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Ông Mai Tiến	Ủy viên;
Ông Bùi Tiến Đạt	Ủy viên;
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên.

### **BAN LÃNH ĐẠO VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	Từ nhiệm ngày 16/12/2021
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 08/6/2021
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Bổ nhiệm ngày 12/5/2022

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Lãnh đạo** (tiếp theo)

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Bùi Văn Hữu**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.477.733.634.992</b>	<b>2.726.730.707.143</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>48.397.686.162</b>	<b>28.099.529.213</b>
1. Tiền	111	V.01	22.741.808.144	28.099.529.213
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.655.878.018	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>92.953.952.464</b>	<b>65.924.026.162</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.073.530	1.073.530
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(430.930)	(430.930)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		92.953.309.864	65.923.383.562
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>453.919.493.050</b>	<b>528.095.163.187</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	36.423.272.323	120.137.402.183
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85.411.171.302	34.859.340.666
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		212.187.183.000	212.187.183.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	122.318.438.174	163.417.970.740
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.528.115.415)	(2.528.115.415)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		107.543.666	21.382.013
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.822.855.384.111</b>	<b>2.009.572.088.027</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.838.331.027.656	2.024.049.491.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(15.475.643.545)	(14.477.403.521)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59.607.119.205</b>	<b>95.039.900.554</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.203.221.029	9.418.606.634
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.362.113.431	85.503.970.319
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	41.784.745	117.323.601
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>385.577.622.499</b>	<b>394.040.253.037</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	100.000.000	15.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>304.120.027.474</b>	<b>310.779.686.266</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	253.420.334.974	260.061.562.216
- Nguyên giá	222		441.916.348.266	440.560.990.691
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(188.496.013.292)	(180.499.428.475)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50.699.692.500	50.718.124.050
- Nguyên giá	228		50.933.945.000	50.933.945.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(234.252.500)	(215.820.950)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>3.752.414.940</b>	<b>1.940.161.388</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.752.414.940	1.940.161.388
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.13	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.605.180.085</b>	<b>81.305.405.383</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	64.856.602.061	67.786.026.725
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	12.646.798
5. Lợi thế thương mại	269		12.748.578.024	13.506.731.860
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.863.311.257.491</b>	<b>3.120.770.960.180</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.412.166.682.965</b>	<b>2.661.964.947.616</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.352.359.517.138</b>	<b>2.597.115.927.789</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	1.317.648.180.380	1.578.993.467.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.833.834.082	112.511.043.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	20.833.533.872	13.197.235.163
4. Phải trả người lao động	314		6.165.173.965	15.443.619.257
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	122.720.779.920	36.634.490.234
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	76.906.821.874	69.051.082.388
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		671.877.524.547	771.275.040.253
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		373.668.498	9.949.538
13. Quỹ Bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>59.807.165.827</b>	<b>64.849.019.827</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn về vốn kinh doanh	334	V.19	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		28.600.000.000	26.400.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	31.207.165.827	38.449.019.827
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

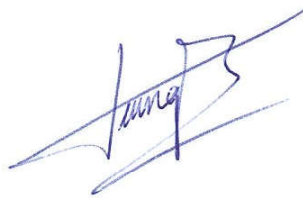
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>451.144.574.527</b>	<b>458.806.012.564</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>451.144.574.527</b>	<b>458.806.012.564</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	360.727.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.806.553.031	16.392.834.071
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.061.891.278	77.180.476.970
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.318.345.530	35.808.580.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		66.743.545.748	41.371.896.038
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		236.365.978	192.937.283
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.863.311.257.491</b>	<b>3.120.770.960.180</b>

Người lập biểu



Đinh Thị Ngọc

TP. Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.01	<b>1.806.907.799.409</b>	<b>1.155.551.302.086</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	8.362.024.385	1.521.163.636
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.03	<b>1.798.545.775.024</b>	<b>1.154.030.138.450</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.612.106.620.701	1.050.841.220.758
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>186.439.154.323</b>	<b>103.188.917.692</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	23.818.150.916	2.760.918.370
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	49.615.991.243	17.016.826.599
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.622.222.557	16.846.317.272
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	
9. Chi phí bán hàng	25		52.533.553.143	33.656.250.627
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		23.694.772.000	28.190.037.641
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>84.412.988.854</b>	<b>27.086.721.195</b>
12. Thu nhập khác	31		404.481.247	294.092.498
13. Chi phí khác	32		29.776.116	10.000.584
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>374.705.131</b>	<b>284.091.914</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>84.787.693.985</b>	<b>27.370.813.109</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	18.007.982.259	5.718.573.023
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	-	
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>66.779.711.726</b>	<b>21.652.240.086</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		66.743.545.748	21.652.240.086
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		36.165.978	
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>1.811</b>	<b>587</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>		<b>1.811</b>	<b>587</b>

Người lập biểu



Đinh Thị Ngọc

TP. Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung



Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ô TÔ  
TMT


Bùi Văn Hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II.2022**

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế	
				Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.01	805.855.011.861	640.745.262.574	1.806.907.799.409	1.156.755.546.682
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.02	4.393.842.566		8.362.024.385	1.665.412.647
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.03	801.461.169.295	640.745.262.574	1.798.545.775.024	1.155.090.134.035
4	Giá vốn hàng bán	11	V1.03	710.462.537.035	585.673.674.301	1.612.106.620.701	1.050.765.012.866
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	V1.04	90.998.632.260	55.071.588.273	186.439.154.323	104.325.121.169
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.04	20.350.269.038	2.749.939.069	23.818.150.916	2.760.918.370
7	Chi phí tài chính	22	V1.05	22.174.156.540	7.346.222.835	49.615.991.243	18.992.855.345
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.261.653.226	7.354.606.980	36.622.222.557	18.930.130.515
9	Chi phí bán hàng	25	V1.08	23.520.572.288	18.961.746.795	52.533.553.143	35.379.966.052
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.08	12.594.691.186	16.521.580.666	23.694.772.000	27.989.862.160
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.059.481.285	14.991.977.046	84.412.988.854	24.723.355.982
12	Thu nhập khác	31	V.06	240.445.737	1.658.564.304	404.481.247	1.950.444.804
13	Chi phí khác	32	V.07	28.457.929	236.276.484	29.776.116	476.280.484
14	Lợi nhuận khác	40		211.987.808	1.422.287.820	374.705.131	1.474.164.320
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.271.469.093	16.414.264.866	84.787.693.985	26.197.520.302
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.09	11.594.771.820	3.416.265.826	18.007.982.259	5.484.349.628
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		41.676.697.273	12.997.999.040	66.779.711.726	20.713.170.674
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		41.649.631.475	12.997.999.131	66.743.545.748	20.713.171.081
20	Lợi nhuận sau thuế của công đồng không kiểm soát	62		27.065.762	(91)	36.165.978	(407)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(317)	352	364	562

Người lập biểu

*Đinh Thị Ngọc*

Đinh Thị Ngọc

TP. Tài chính kế toán

*Nguyễn Nghĩa Trung*

Nguyễn Nghĩa Trung

Hội đồng quản trị



*Bùi Văn Hữu*

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>84.787.693.985</b>	<b>53.251.060.383</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.197.145.551	18.024.991.762
- Các khoản dự phòng	03	642.200.874	12.104.751.418
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	20.315.992.940	13.424.780.136
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.927.974.071)	(2.268.879.731)
- Chi phí lãi vay	06	36.230.341.896	43.121.103.741
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>147.245.401.175</b>	<b>137.657.807.709</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.024.136.303.859)	(275.669.692.704)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	185.782.753.437	(942.163.861.047)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	958.304.663.439	1.007.316.525.996
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.917.815.171	(8.969.643.384)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34.992.974.300)	(42.964.090.103)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.288.879.138)	(2.800.775.172)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(192.147.646)	(86.875.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>228.640.328.278</b>	<b>(127.680.603.705)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(5.435.658.856)	(4.224.170.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	150.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(81.466.430.467)	(288.522.387.562)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	54.436.504.165	41.353.262.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	864.843.018	2.102.550.296
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(31.450.742.140)</b>	<b>(249.290.745.358)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	200.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.762.049.820.753	2.210.818.255.331
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.868.689.190.459)	(1.868.689.190.459)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70.224.118.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(176.863.488.206)</b>	<b>342.329.064.872</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>20.326.097.932</b>	<b>(34.642.284.191)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>28.099.529.213</b>	<b>62.746.460.019</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(27.940.983)	(4.646.615)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>48.397.686.162</b>	<b>28.099.529.213</b>

Người lập biểu



Đinh Thị Ngọc

TP. Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Bùi Văn Hữu

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

#### **05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách công ty con được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	Thôn Quang Trung, xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	Số 1454, quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	Thôn Quả Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 622 người

### **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **06. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **07. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 03. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

#### **04. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **05. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **09. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do Công ty mẹ nắm giữ.

Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **18. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

#### ***Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

#### ***Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:***

##### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

#### IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Đơn vị tính: VND*

##### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	22.741.808.144	28.099.529.213
+ Tiền mặt	914.553.826	859.853.300
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.827.254.318	27.239.675.913
- Các khoản tương đương tiền	25.655.878.018	-
<b>Cộng</b>	<b><u>48.397.686.162</u></b>	<b><u>28.099.529.213</u></b>

*Đơn vị tính: VND*

##### 02. Các khoản đầu tư tài chính

###### a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
+ Công ty Cổ phần Thiết bị Bru điện	679.000	453.600	(225.400)	679.000	453.600	(225.400)
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	189.000	(205.530)	394.530	189.000	(205.530)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.073.530</u></b>	<b><u>642.600</u></b>	<b><u>(430.930)</u></b>	<b><u>1.073.530</u></b>	<b><u>642.600</u></b>	<b><u>(430.930)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>92.953.309.864</b>	<b>92.953.309.864</b>	<b>65.923.383.562</b>	<b>65.923.383.562</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	92.953.309.864	92.953.309.864	65.923.383.562	65.923.383.562
<b>Cộng</b>	<b>92.953.309.864</b>	<b>92.953.309.864</b>	<b>65.923.383.562</b>	<b>65.923.383.562</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>36.423.272.323</b>	<b>120.137.402.183</b>
- Ban Quản lý dự án số 3	2.905.379.780	2.905.379.780
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	3.640.481.678	84.908.155.286
- Công ty Cổ phần ô tô TMT Sài Gòn	4.422.962.271	9.663.909.695
- Công ty Cổ Phần Thương Mại -DV- Tổng Hợp Ngọc Anh	972.817.001	-
- Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	11.562.898.501	10.383.050.001
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại H&H Hà Nội	3.479.993.530	3.545.919.050
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	9.438.739.562	8.730.988.371
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36.423.272.323</b>	<b>120.137.402.183</b>

**04. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>212.187.183.000</b>	-	<b>212.187.183.000</b>	-
- Ông Vũ Quang Tuấn (*)	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
- Ông Trần Văn Đông (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Ông Hoàng Đức Hùng (*)	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Trọng Dũng	37.000.000.000	-	37.000.000.000	-
- Bà Đỗ Thị Vân (*)	43.000.000.000	-	43.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Huy Tiến (*)	15.187.183.000	-	15.187.183.000	-
- Ông Đỗ Văn Phương (*)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>212.187.183.000</b>	-	<b>212.187.183.000</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>05. Phải thu khác</b>	<b>122.318.438.174</b>	<b>(1.925.139.605)</b>	<b>163.417.970.740</b>	<b>(1.925.139.605)</b>
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Tạm ứng	16.331.841.574	-	45.984.076.080	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	99.596.372.542	-	104.479.222.698	-
- Phải thu khác	6.309.250.107	(1.925.139.605)	12.954.671.962	(1.925.139.605)
+ <i>Phải thu về lãi cho vay</i>	-	-	338.694.816	-
+ Công ty Cổ phần Ô tô TMT Hải Phòng	121.036.193	-	407.220	-
+ <i>Phải thu tiền thuế nhập khẩu được hoàn theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP</i>	-	-	3.820.643.932	-
+ Công ty TNHH DV Công nghiệp Hoàng Hà	1.098.680.000	(1.098.680.000)	1.098.680.000	(1.098.680.000)
+ Các khoản phải thu khác	5.089.533.914	(826.459.605)	7.696.245.994	(826.459.605)
<i>b. Dài hạn</i>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>15.000.000</b>	<b>-</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	-	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>122.418.438.174</b>	<b>(1.925.139.605)</b>	<b>163.432.970.740</b>	<b>(1.925.139.605)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy Cơ khí 120	500.000.000	-	500.000.000	-
- DNTN Thịnh Hưng	602.975.940	-	602.975.940	-
- Công ty TNHH DV Công nghiệp Hoàng Hà	1.098.680.000	-	1.098.680.000	-
- Các đối tượng khác	326.459.475	-	326.459.475	-
<b>Cộng</b>	<b>2.528.115.415</b>	<b>-</b>	<b>2.528.115.415</b>	<b>-</b>

**07. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	181.979.060.535	-	202.413.665	-
- Nguyên liệu, vật liệu	627.972.852.173	(3.024.007.524)	52.674.989.971	(3.024.007.524)
- Công cụ, dụng cụ	135.922.379.701	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	327.387.682.251	(3.570.921.087)	43.660.093.995	-
- Thành phẩm	142.855.670.547	(4.111.533.609)	1.310.053.507.026	(3.271.449.080)
- Hàng hoá	422.213.382.449	(4.769.181.325)	189.663.634.148	(3.612.413.597)
- Hàng gửi bán	<b>1.838.331.027.656</b>	<b>(15.475.643.545)</b>	427.794.852.743	(4.569.533.320)
<b>Cộng</b>			<b>2.024.049.491.548</b>	<b>(14.477.403.521)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay ngân hàng là 1.310.053.507.026 đồng.

**08. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Mua sắm	3.704.162.910	-	3.704.162.910	1.532.000.000
- XDCB	48.252.031	-	48.252.031	408.161.388
+ <i>Thị công văn phòng tầng 9+10 tòa nhà Coninco</i>	48.252.031	-	48.252.031	48.252.031
+ <i>Chi phí XDCB dở dang khác</i>	-	-	-	359.909.357
<b>Cộng</b>	<b>3.752.414.940</b>	<b>-</b>	<b>3.752.414.940</b>	<b>1.940.161.388</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>250.220.976.020</b>	<b>151.008.834.411</b>	<b>28.382.729.986</b>	<b>6.600.868.546</b>	<b>4.347.581.728</b>	<b>440.560.990.691</b>
- Mua trong năm	416.862.997	1.163.534.791	829.872.508	46.976.179		
- Xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.101.888.900)	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>250.637.839.017</b>	<b>152.172.369.202</b>	<b>28.110.713.594</b>	<b>6.647.844.725</b>	<b>4.347.581.728</b>	<b>441.916.348.266</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>80.746.233.809</b>	<b>75.181.910.945</b>	<b>18.407.456.655</b>	<b>2.000.017.330</b>	<b>4.163.809.736</b>	<b>180.499.428.475</b>
- Khấu hao trong năm	3.328.057.172	4.522.841.698	1.252.509.077		-14.806.455	9.088.601.492
- Thanh lý, nhượng bán		-1.092.016.675				-1.092.016.675
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>84.074.290.981</b>	<b>78.612.735.968</b>	<b>19.659.965.732</b>	<b>2.000.017.330</b>	<b>4.149.003.281</b>	<b>188.496.013.292</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>169.474.742.211</b>	<b>75.826.923.466</b>	<b>9.975.273.331</b>	<b>4.600.851.216</b>	<b>183.771.992</b>	<b>260.061.562.216</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>166.563.548.036</b>	<b>73.559.633.234</b>	<b>8.450.747.862</b>	<b>4.647.827.395</b>	<b>198.578.447</b>	<b>253.420.334.974</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	50.420.000.000	513.945.000	50.933.945.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	50.420.000.000	513.945.000	50.933.945.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	215.820.950	215.820.950
- Khấu hao trong năm	-	18.431.550	18.431.550
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	234.252.500	234.252.500
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	50.420.000.000	298.124.050	50.718.124.050
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	50.420.000.000	279.692.500	50.699.692.500

(\*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38 phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 165.939.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay lần lượt là 50.420.000.000 đồng và 50.420.000.000 đồng.

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	7.203.221.029	9.418.606.634
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.001.141	342.915.372
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	5.783.303.588	6.795.960.168
- Các khoản khác		2.279.731.094
<i>b. Dài hạn</i>	64.856.602.061	67.786.026.725
<b>Cộng</b>	<b>72.059.823.090</b>	<b>77.204.633.359</b>

**12. Lợi thế thương mại**

	Công ty Cổ phần Thương mại DV Tổng hợp Ngọc Anh	Cộng
<b>Giá trị còn lại đầu năm</b>	13.506.731.860	-
Tăng trong kỳ	-	15.007.479.844
Phân bổ trong kỳ	750.373.992	1.500.747.984
<b>Giá trị còn lại cuối năm</b>	<b>12.756.357.868</b>	<b>13.506.731.860</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Từng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
- <i>Vay ngân hàng</i>	771.275.040.253	771.275.040.253	1.363.487.074.774	1.477.301.964.480	671.877.524.547	671.877.524.547
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(a)</sup>	755.508.347.253	755.508.347.253	1.363.487.074.774	1.462.884.590.480	656.110.831.547	656.110.831.547
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội <sup>(b)</sup>	314.006.065.279	314.006.065.279	426.533.914.538	383.816.799.872	356.723.179.945	356.723.179.945
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam <sup>(c)</sup>	308.636.077.085	308.636.077.085	761.365.139.603	799.088.572.916	270.912.643.772	270.912.643.772
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội <sup>(d)</sup>	110.096.481.643	110.096.481.643	157.775.784.894	244.347.894.516	23.524.372.021	23.524.372.021
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai <sup>(e)</sup>	2.425.845.546	2.425.845.546	-	2.425.845.546	-	-
+ Ngân hàng Quốc tế VIB	20.343.877.700	20.343.877.700	12.861.599.930	33.205.477.630	-	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	4.950.635.809	-	4.950.635.809	4.950.635.809
+ Bà Trịnh Thị Hồng Lê <sup>(f)</sup>	1.282.985.000	1.282.985.000	-	-	1.282.985.000	1.282.985.000
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	1.282.985.000	1.282.985.000	-	-	1.282.985.000	1.282.985.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội <sup>(g)</sup>	14.483.708.000	14.483.708.000	7.241.854.000	7.241.854.000	14.483.708.000	14.483.708.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam <sup>(h)</sup>	14.351.040.000	14.351.040.000	7.175.520.000	7.175.520.000	14.351.040.000	14.351.040.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	132.668.000	132.668.000	66.334.000	66.334.000	132.668.000	132.668.000
<b>b.1. Vay dài hạn</b>	38.449.019.827	38.449.019.827	-	7.241.854.000	31.207.165.827	31.207.165.827
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	38.449.019.827	38.449.019.827	-	7.241.854.000	31.207.165.827	31.207.165.827
- <i>Vay ngân hàng</i>	38.449.019.827	38.449.019.827	-	7.241.854.000	31.207.165.827	31.207.165.827
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội <sup>(e)</sup>	38.183.687.827	38.183.687.827	-	7.175.520.000	31.008.167.827	31.008.167.827
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam <sup>(h)</sup>	265.332.000	265.332.000	-	66.334.000	198.998.000	198.998.000
<b>Cộng</b>	<b>809.724.060.080</b>	<b>809.724.060.080</b>	<b>1.377.904.448.774</b>	<b>1.484.543.818.480</b>	<b>703.084.690.374</b>	<b>703.084.690.374</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2021/134960/HĐTD ngày 29/10/2021 để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 750 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất trong năm từ 7,8% đến 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/134960/HĐBĐ, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/134960/HĐBĐ, tài sản đảm bảo của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/134960/HĐBĐ, số 02/2019/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 03/2019/134960/HĐBĐ, tài sản luân chuyển trong quá trình SXKD là hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ.
- (b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4515028/2021/HĐHM/VPB ngày 25/3/2021 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 800 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa không quá 11 tháng, lãi suất trong năm từ 6,9% đến 8,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, 03 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 29H-250.76, 29H-250.78 và 29H-250.09, hàng hóa hình thành từ L/C thuộc sở hữu của Công ty và các xe ô tô lắp ráp từ linh kiện nhập khẩu trực tiếp hình thành từ vốn vay Ngân hàng, các sổ tiết kiệm tiền gửi của Công ty và bảo lãnh cá nhân của ông Bùi Văn Hữu.
- (c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 195/2021/HĐHMTD/PVBHBT-TMT ngày 19/7/2021 để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô với hạn mức tín dụng: 700 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay trong năm 6,5%-9,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hóa, hàng tồn kho được hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng, tài sản bổ sung của Công ty, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất lắp ráp xe tải hạng trung- hạng nặng tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 09, xã Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên và thửa đất số 255, tờ bản đồ số 6 xã Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên.
- (d): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/HĐTD-PN/PPC-12.2017 ngày 21/01/2021 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 250 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8,7% đến 9,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bộ linh bằng bộ linh kiện hình thành từ vốn vay, thành phẩm là xe ô tô tải hiệu Cửu Long do Công ty lắp ráp hoàn chỉnh từ linh kiện nhập khẩu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội tài trợ, xe ô tô nhập khẩu nguyên chiếc nhãn hiệu Sinotruck, Howo mới 100% hình thành từ vốn vay, xe lắp ráp thành phẩm, xe nhập khẩu nguyên chiếc có thời hạn kể từ ngày cấp giấy CN xuất xưởng/ đăng kiểm không quá 04 tháng thuộc sở hữu của Công ty.
- (e): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai theo hợp đồng cấp tín dụng số 26578.21.065.27422.TD ngày 01/6/2021 với hạn mức tín dụng 50 – 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/5/2022, lãi suất 7,2%/năm. Tài sản đảm bảo là hàng hóa hình thành từ phương án Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai tài trợ.
- (f): Khoản vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- (g): Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Nam Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay số 251218-4515028-01-SME ngày 18/01/2019 để tài trợ khoản vay "Đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho – Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh". Thời hạn vay 06 năm, lãi suất vay từ 10,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất tại thửa đất số 1487, 1488, tờ bản đồ 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của TMT; Bảo lãnh cá nhân của bên thứ 3.
  - Hợp đồng vay số 171019-4515028-01-SME ngày 22/10/2019 để tài trợ chi phí đầu tư văn phòng làm việc tại tòa nhà Coninco số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thời hạn vay 07 năm, lãi suất vay từ 10,8%/năm đến 11,6%/năm.
  - Hợp đồng vay số 050719-4515028-01-SME ngày 05/7/2019 để mua xe ô tô Ford phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 năm, lãi suất 10%/năm được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (h): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2021/134960/HĐTD ngày 19/11/2021 với số tiền vay là 398.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư mua sắm mới phương tiện vận tải là xe ô tô phục vụ đi lại, sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/134960/HĐBĐ ngày 19/11/2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>14. Phải trả người bán</b>					
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>1.317.648.180.380</b>	<b>1.317.648.180.380</b>	<b>1.578.993.467.002</b>	<b>1.578.993.467.002</b>	
- Sinotruk Import & Export Co.,Ltd.	928.129.719.180	928.129.719.180	1.092.092.323.544	1.092.092.323.544	
- Guangxi Qinzhou Lishun Machinery Co.,Ltd.	92.535.668.599	92.535.668.599	118.788.163.710	118.788.163.710	
- Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture Co.,Ltd.	72.640.293.834	72.640.293.834	54.622.586.430	54.622.586.430	
- Chongqing Sokon Motor (Group) Imp & Exp. Co.,Ltd.	43.123.579.962	43.123.579.962	97.093.541.429	97.093.541.429	
- Chongqing Shuguang Panit Industry Co.,Ltd.	12.290.250.000	12.290.250.000	12.054.000.000	12.054.000.000	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	168.928.668.805	168.928.668.805	204.342.851.889	204.342.851.889	
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>1.317.648.180.380</b>	<b>1.317.648.180.380</b>	<b>1.578.993.467.002</b>	<b>1.578.993.467.002</b>	

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>135.833.834.082</b>	<b>112.511.043.954</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8	16.547.739.244	16.547.739.244
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	1.935.494.996	30.124.744.999
- Công ty Cổ phần ô tô TMT Sài Gòn	4.724.665.261	4.818.704.678
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	7.538.840.503	5.071.899.981
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	105.087.094.078	55.947.955.052
<i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>135.833.834.082</b>	<b>112.511.043.954</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>122.720.779.920</b>	<b>36.634.490.234</b>
- Chi phí lãi vay	699.589.938	916.859.665
- Chi phí vận chuyển	1.616.520.734	5.892.459.122
- Chi phí trích trước lương tháng 13		5.444.683.300
- Chi phí LC	8.253.115.669	11.437.880.254
- Chi phí tư vấn bán hàng	1.757.600.000	2.358.000.000
- Trích trước chi phí sản xuất	107.267.466.409	10.082.009.523
- Các khoản trích trước khác	3.126.487.170	502.598.370
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>122.720.779.920</b>	<b>36.634.490.234</b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>76.906.821.874</b>	<b>69.051.082.388</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	65.307.563	39.251.514
- Kinh phí công đoàn	5.178.769.620	4.731.844.846
- Bảo hiểm xã hội	38.005.000	5.522.963
- Bảo hiểm y tế	48.524.066	300.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.720.000	46.696.942
- Phải trả về cổ phần hóa	10.400.000	10.400.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.563.095.625	64.217.066.123
<b>b. Dài hạn</b>	<b>28.600.000.000</b>	<b>26.400.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	28.600.000.000	26.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>105.506.821.874</b>	<b>95.451.082.388</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**18. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33	123.057.040.000	33
+ Các đối tượng khác	249.819.760.000	67	249.819.760.000	67
<b>Cộng</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu phổ thông	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ Cổ phiếu phổ thông	409.700	409.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu phổ thông	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Doanh thu bán hàng hóa	178.128.523.867	257.709.529.902
- Doanh thu bán thành phẩm	1626.627.130.440	891.833.369.873
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.152.145.102	6.008.402.311
<b>Cộng</b>	<b>1.806.907.799.409</b>	<b>1.55.551.302.086</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Giảm giá hàng bán	4.361.700.334	
- Giảm giá hàng bán	32.142.232	
- Hàng bán bị trả lại	3.968.181.819	1.521.163.636
<b>Cộng</b>	<b>8.362.024.385</b>	<b>1.521.163.636</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

**03. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	167.410.664.364	261.385.483.409
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.458.234.669.290	783.624.089.932
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.936.930.592	3.340.795.694
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.475.643.545)	(2.490.851.723)
<b>Cộng</b>	<b>1.612.106.620.701</b>	<b>1.050.841.220.758</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.481.730.401	90.032.492
- Lãi chênh lệch tỷ giá	20.336.420.515	2.670.833.739
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		52.139
<b>Cộng</b>	<b>23.818.150.916</b>	<b>2.760.918.370</b>

**05. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Lãi tiền vay	36.527.699.383	16.846.317.272
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.444.220.020	91.895.676
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(355.928.150)	173.100
- Chi phí tài chính khác		78.440.551
<b>Cộng</b>	<b>49.615.991.243</b>	<b>17.016.826.599</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

<b>06. Thu nhập khác</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Tiền phạt thu được		150.000.000
- Các khoản khác	404.481.247	144.092.498
<b>Cộng</b>	<b>404.481.247</b>	<b>294.092.498</b>
<b>07. Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Các khoản khác	29.776.116	10.000.584
<b>Cộng</b>	<b>29.776.116</b>	<b>10.000.584</b>
<b>08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
		Đơn vị tính: VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>23.694.772.000</b>	<b>28.190.037.641</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	13.075.752.406	12.349.317.400
- Chi phí vật liệu quản lý	43.107.301	2.794.747.796
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.556.350.415	1.967.341.537
- Thuế, phí và lệ phí	806.423.044	6.000.000
- Lợi thế thương mại phân bổ	750.373.992	750.373.992
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.200.383.633	6.366.981.820
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.262.381.209	3.955.275.096
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>52.533.553.143</b>	<b>33.656.250.627</b>
- Chi phí nhân viên	16.631.660.933	16.564.218.233
- Chi phí vật liệu, bao bì	40.590.722	659.028.814
- Chi phí khấu hao TSCĐ	21.002.147	58.924.682
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.404.039.501	1.580.158.250
- Chi phí khác	14.436.259.840	14.793.920.648
<b>Cộng</b>	<b>62.094.940.387</b>	<b>61.846.288.268</b>
<b>09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.953.009.483	859.918.555
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>17.953.009.483</b>	<b>859.918.555</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	66.779.711.726	21.652.240.086
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.779.711.726	21.652.240.086
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	36.877.980
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.811</b>	<b>587</b>

Người lập biểu



Đinh Thị Ngọc

TP. Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu